

Số: 2828707

|                                            | Kia Carens 1.4 Turbo Signature | NEW PEUGEOT 2008 PREMIUM |
|--------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>769.000.000đ</b>            | <b>849.000.000đ</b>      |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4540 x 1800 x 1750             | 4300 x 1785 x 1580       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2780                           | 2605                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5310                           | 5400                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                            | 185                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1326                           | 1225                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1950                           | 1730                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 216                            | 434                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                             | 44                       |
| Số chỗ ngồi                                | 7                              | 5                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước               | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                |                          |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.4T - GDi         | 1.2L Turbo Puretech      |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1353                           | 1199                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 138 / 6,000                    | 133 @ 4000 - 6000        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 242 / 1,500 - 3,200            | 230 @ 1750 - 3500        |
| Hộp số                                     | 7DCT                           | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                      | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                     | Thanh xoắn               |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                            | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                            | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R17                     | 215/60 R17               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.5                            | 8,9                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.5                            | 5,8                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.3                            | 7,0                      |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport           | Eco/Normal/Sport/Manual  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED                            | LED                      |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                              | ●                        |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                              | ● (Dạng móng vuốt sư tử) |
| Đèn sương mù                               | LED                            |                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                            | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                              | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                              | ●                        |
| Cửa sổ trời                                | ●                              |                          |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                              | ● (D-Cut trên dưới)      |
| Chất liệu ghế                              | Da                             | Da                       |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                              | ●                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                              | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                              |                          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                              | ●                        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2" TFT + SEG LCD             | 10-inch hiệu ứng 3D      |

|                                    |            |                          |
|------------------------------------|------------|--------------------------|
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 10.25" | 10-inch                  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●          | Apple Carplay/MirrorLink |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●          | ●                        |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1          | 1                        |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●          | ●                        |
| Chìa khóa thông minh               | ●          | ●                        |
| Khởi động nút bấm                  | ●          | ●                        |
| Khởi động từ xa                    | ●          |                          |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa Bose | 6 loa                    |
| Sạc không dây Qi                   | ●          |                          |
| Đèn trang trí nội thất             | ●          | ●                        |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●          | ●                        |

#### **AN TOÀN:**

|                                         |                             |                    |
|-----------------------------------------|-----------------------------|--------------------|
| Số túi khí                              | 6                           | 6                  |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                           | ●                  |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                           | ●                  |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                           | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● + DBC                     | ●                  |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                           |                    |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau                 | Trước & Sau        |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) | ●                  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                           | ●                  |
| Camera lùi                              | ●                           | ● (Giả lập 360 độ) |